

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 215/2020/TLST-DS ngày 19/11/2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C ;

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận H , thành phố H .

Người đại diện theo pháp luật: ông **T** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông **Nguyễn Công Th** , chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh G . Địa chỉ: 01 Trần Hưng Đạo, thành phố P , tỉnh G .

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành C , sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Thiên A , xã B, huyện C , tỉnh G .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H , sinh năm 1971; Chị Nguyễn Thị Mỹ H , sinh năm 1991; Anh Nguyễn Thành V , sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Thôn Thiên A , xã B, huyện C , tỉnh G .

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng đã được các bên giao kết:

Bị đơn là Ông Nguyễn Thành C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H công nhận tính đến ngày 04/7/2022, ông C và bà H còn nợ của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc là 1.120.000.000đ (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày 04/7/2022 là 467.790.026 đồng; Tổng cộng là **1.587.790.026** đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi sáu đồng). Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 1036/2017-HĐCVTL/NHCT500-NGUYEN

THANH CO ngày 11/8/2017, Hợp đồng cho vay số: 876/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYEN THANH CO ngày 17/8/2018, Hợp đồng cho vay số: 48/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN THANH CO ngày 23/01/2019.

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Ông Nguyễn Thành C và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C thông qua Ngân hàng TMCP C -Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc là 1.120.000.000đ (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày 04/7/2022 là 467.790.026 đồng; Tổng cộng là **1.587.790.026** đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi sáu đồng), một lần vào ngày **04/11/2022**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày hòa giải thành là ngày 04/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Việc tính lãi, lãi suất trong hạn và quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Nếu đến thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận nêu trên mà ông C và bà H không trả hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện C xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 12; tờ bản đồ số 42; địa chỉ thửa đất: xã IaLe, huyện Chư Sê (nay là xã B, huyện C), tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 629829 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh G cấp ngày 07/5/2001; thửa đất số 02a; tờ bản đồ số 42; địa chỉ thửa đất: Thôn Thiên An, xã B, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 342357 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 08/7/2014; thửa đất số 63a; tờ bản đồ số 42; địa chỉ thửa đất: Thôn Thiên An, xã B, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 342622 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 22/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1036/HĐTC ngày 10/8/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/2019/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 22/01/2019 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông C và bà H đã thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có nghĩa vụ phải trả lại cho ông C và bà H các giấy tờ tài sản thế chấp là bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 629829 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh G cấp ngày 07/5/2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 342357 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 08/7/2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 342622 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 22/7/2014.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Thành C và bà Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên có nghĩa

vụ thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP C thông qua Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Gia Lai số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào ngày 28/10/2022. (Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ).

2.4. Về án phí:

Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành C và bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.816.850đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C thông qua Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G số tiền tạm ứng án phí là 24.492.054 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010915 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , tỉnh G .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh G ;
- VKSND huyện C ;
- CC THADS huyện C ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Tiến Sỹ